

CHÍNH SÁCH DI DÂN ĐẾN CÁC ĐIỂM DINH ĐIỀN Ở MIỀN NAM VIỆT NAM CỦA CHÍNH QUYỀN NGŨ ĐÌNH DIỆM

ThS. PHẠM THỨC SƠN
Trường Đại học Thủ Dầu Một

C hính sách dinh điền cùng với áp chiến lược là một trong những quốc sách bình định nông thôn miền Nam Việt Nam của chính quyền Ngô Đình Diệm. Để tiến hành chính sách dinh điền, chính quyền Ngô Đình Diệm đã đề ra với những mục tiêu về kinh tế, xã hội, chính trị và chiến lược một cách toàn diện. Để hoàn thiện các mục tiêu của chính sách dinh điền, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tiến hành di dân ở miền Bắc, miền Trung và dân cư tại các đô thị để xây dựng các địa điểm dinh điền.

Chính sách di dân đến dinh điền của chính quyền Ngô Đình Diệm thực chất chỉ nhằm khống chế, kiểm soát địa bàn chiến lược quan trọng ở miền Nam Việt Nam để tạo hành lang bảo vệ những lợi ích thiết thân của chế độ Việt Nam Cộng hòa.

1. Chính sách di dân tại các điểm dinh điền

1.1. Di chuyển dân cư đến các điểm dinh điền

Để tiến hành chính sách dinh điền “Song song với việc sửa soạn địa điểm, một cuộc tuyên truyền sâu rộng tại các vùng đông dân cư ở Trung Phần và vùng lân cận Đô thành, phổ biến cho dân chúng biết chính sách dinh điền của Chính phủ Ngô Đình Diệm và các đặc điểm của địa điểm dinh điền”. Chính vì vậy “nhiều đoàn thể - có khi nguyên một xã - muốn thọ

hưởng một đời sống ấm no hơn đã xung phong ghi tên đi lên Cao Nguyên hay đồng bằng miền Nam”. Các cơ quan hành chính địa phương tập danh sách và kiểm tra sơ khởi những người xin đi để loại bớt người già, tật nguyền không người giúp đỡ, trẻ mồ côi, nhỏ tuổi không có gia đình... Như vậy, việc chọn người từ miền Trung để xây dựng các địa điểm dinh điền của chính quyền Ngô Đình Diệm cũng sơ loại để hạn chế những người yếu thế, không có khả năng lao động nhằm tránh gánh nặng tài chính cho các địa điểm dinh điền. Mặt khác, việc này gián tiếp khẳng định rằng sự lựa chọn những người mạnh khỏe có khả năng lao động để phát triển kinh tế không phải là vấn đề đơn thuần. Mà hơn thế nữa việc này còn thể hiện âm mưu của chính quyền Ngô Đình Diệm trong việc tạo ra một lực lượng đủ mạnh tại các điểm dinh điền có khả năng tự vệ và chiến đấu cao để đối phó với nguy cơ tiềm ẩn của chế độ.

Sau khi hoàn thành các công tác tổ chức, một lịch trình được ấn định: Số người nguyên quán ở tỉnh nào có thể định cư ở địa điểm nào. Ngày khởi hành của đoàn di dân được điều tiết cho phù hợp với việc chuẩn bị nơi cư trú. Đến ngày hẹn, các di dân tập trung tại tỉnh lỵ hay quận lỵ. Sau khi soát thẻ căn cước sẽ phát cho mỗi người một thẻ kiểm tra cá nhân sau đó các đoàn xe chở họ đến nơi định cư. Tùy trường hợp, việc chuyên chở được thực

hiện bằng đường bộ hoặc đường biển. Năm 1957, có tất cả 15.189 người nguyên quán ở các tỉnh miền Trung đã được đưa đến các địa điểm dinh điền. Ngày 23/4/1957, Ngô Đình Diệm đích thân đến Cát Lái trực tiếp đón đoàn người dinh điền đầu tiên, đây là ngày đáng ghi nhớ trong chương trình dinh điền của Việt Nam Cộng hòa, điều này cho thấy sự quan tâm của Ngô Đình Diệm với công cuộc dinh điền.

Các tỉnh được lệnh của Phủ Tổng thống phải nộp đủ số phu dinh điền đã quy định, đồng nhất là nông dân các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, dân di cư và một số người nghèo ở các thành phố lớn. “Chính quyền phân mức cho mỗi tỉnh, mỗi thành; tỉnh thành phân mức cho huyện, khu, xã bắt dân học tài liệu dinh điền của Diệm, trong đó Diệm nói dinh điền là biện pháp nhằm “tặng vốn và lợi tức quốc gia đồng thời hữu sản hóa nông dân vô sản”, nhằm “cải tiến kỹ thuật canh tác”, “điều hòa dân cư”, “chỉnh trang lãnh thổ”, “cải thiện dân sinh”... Bắt học xong, Diệm kêu gọi “xung phong” và thường “không có ai xung phong”. Sau khi kêu gọi không nhận được sự hưởng ứng và tham gia tự nguyện của cư dân các địa phương đi lên các địa điểm dinh điền, “Diệm đưa ra các tiêu chuẩn, bắt đồng bào phải bình nghị và coi ai rơi vào tiêu chuẩn đó. Nhân dân không chịu “bình” vì “bình” là khác nào người này buộc người kia lên rừng núi, phục vụ cho cho chính sách quân phiệt của Mỹ-Diệm”. Tuy nhiên khi không đạt được mục đích, lực lượng của Diệm không từ thủ đoạn nào để đẩy nhân dân các địa phương lên các địa điểm dinh điền và “rốt cuộc, bọn Diệm chỉ định các gia đình phải đi dinh điền. Bị chỉ định mà không chịu đi thì bị xem là “Việt cộng”, mà ai nấy đều rõ, hễ bị chính quyền xem là “Việt cộng”, thì làm sao sống được nữa”. Ngoài việc chỉ định, áp đặt và quy chụp một cách

trắng trợn để dồn nhân dân vào thế phải đi lên dinh điền. Ở nhiều địa phương lực lượng tay chân của Diệm “bọn tề xã bắt cóc người ban đêm để có đủ số mang đi. Chỗ khác, chúng đe dọa rằng anh này hay chị nọ đã có tên trong sổ tình nghi là cơ sở cách mạng, phải đi dinh điền mới khỏi bị bắt mà thôi. Còn những người nào bị tình nghi thật sự thì tề xã cứ bắt đi, bắt cả những gia đình chúng ghét, những gia đình không chịu dứt lốt. Làm như vậy nhất cử lưỡng tiện”. Mỗi nơi, mỗi đối tượng khác nhau để dồn ép đồng bào lên các vùng dinh điền, chính quyền Diệm dùng các thủ đoạn đặc thù vô cùng khác nghiệt và dồn nhân dân vào bước đường cùng buộc phải đi dinh điền “đối với những nơi khác chính quyền Diệm tổ chức “tổ cộng” để “lọc” người đi dinh điền. Đối với đồng bào công giáo, Diệm đưa những linh mục “ăn cánh” với chúng đến dụ dỗ; còn những linh mục nào chống lại việc lừa con chiên đi di cư dinh điền thì Diệm cho đưa ra tòa, vu đủ thứ tội”. Và đối với đồng bào ở các đô thị “Ở thành phố, đặc biệt Sài Gòn, Diệm cho tay sai đi đốt các xóm nhà lá, nhà gỗ của dân nghèo, đốt vài lần thì người bị hỏa hoạn nhất định không còn lấy manh quần tấm áo, đừng nói gì là tiền bạc; anh chị em đã lâm vào bước đường cùng, bọn Diệm sẽ dụ hay buộc đi dinh điền”. Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên họ cũng bị chính quyền Ngô Đình Diệm dùng các thủ đoạn tương tự với đồng bào di dân để ép họ rời bỏ buôn làng đến sống chung tại các điểm dinh điền cùng với di dân và các địa điểm dinh điền dành riêng cho họ.

Như vậy là trái với những luận điệu xảo trá và những rêu rao về chiều mộ di dân một cách tự nguyện, tự giác đi lên các vùng dinh điền. Chính quyền Ngô Đình Diệm đã áp bức, dồn ép đồng bào ở các địa phương là đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào Kinh định cư lâu năm ở địa

bàn với nhiều thủ đoạn khác nhau. Các biện pháp và các thủ đoạn ép dân đến các vùng dinh điền của chính quyền Diệm thể hiện bản thân của chính sách này ngay từ đầu không mang ý nghĩa nhân văn nhằm “tăng vốn và lợi tức quốc gia, đồng thời, hữu sản hóa nông dân vô sản”, cũng nhằm “cải tiến kỹ thuật canh tác”, “điều hòa dân cư”, “chỉnh trang lãnh thổ”, “cải thiện dân sinh”. Các biện pháp mà chính quyền Ngô Đình Diệm đối xử và dồn ép đối với di dân, dân địa phương và đồng bào các dân tộc thiểu số vào các địa điểm dinh điền tự bản thân nó đã bộc lộ sự bất mãn và không được sự đồng thuận của những người đến các dinh điền và cả những người sống từ trước tại các điểm dinh điền.

1.2. Định cư di dân

Sau khi được đưa từ nguyên quán đến các điểm dinh điền sau một hành trình dài, đồng bào di dân miền được nghỉ một thời gian ngắn để dưỡng sức tại các trại tạm trú, sau đó cùng với dân địa phương và đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ dưới sự chỉ dẫn của nhân viên thuộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa tại các điểm dinh điền, di dân, dân địa phương và đồng bào các dân tộc thiểu số bị ép vào các điểm dinh điền bắt tay vào việc xây dựng nhà cửa. Tại các điểm dinh điền dành riêng cho đồng bào Thượng, họ cũng phải tiến hành các công việc y như những người di dân từ nơi khác đến. Công việc xây dựng các công trình theo quy hoạch của chính quyền được áp đặt một cách máy móc, không khảo sát các điều kiện tâm lý, truyền thống của đồng bào và điều kiện sinh hoạt, mà được áp đặt từ trên xuống theo một mô tuýp đã được hoạch định sẵn không có phương án trừu tượng, tính toán dựa trên những đặc thù của đồng bào.

Tại các địa điểm dinh điền, một ban điều hành được chính quyền Ngô Đình Diệm chỉ định. Địa điểm Trường nhận

nhiệm vụ điều hành các hoạt động, tại đây Trường địa điểm dinh điền thay mặt chính quyền Ngô Đình Diệm phân cấp đất và cung cấp vật liệu xây dựng để thực hiện công tác xây cất. Các gia đình tập trung lại thành từng nhóm để làm theo lối đời công, người vào rừng kiếm gỗ, tranh và tre, người ở nhà đập nền, đẽo gỗ... Sự tương trợ, hoạt động tập thể, nên các công việc tại điểm dinh điền diễn ra một cách mau lẹ. Song song với công việc của các cá nhân, tại các điểm dinh điền các công việc đòi hỏi phải cần có nhiều người tham gia, hay toàn bộ các thành viên của địa điểm dinh điền cũng được tiến hành, dù mục đích chung, như: đào giếng, đặt bơm nước và xây hồ để cho đồng bào di dân tích trữ nước để đủ cho sinh hoạt; xây cất trạm y tế, nhà hộ sinh và trường học; xây dựng các công trình cho hoạt động của chính quyền, như kho chứa, trụ sở hành chính, phòng thông tin...; đắp đường, bắc cầu để tiện cho việc giao thông trong địa điểm và với các vùng lân cận.

Sau khi những công trình thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ nhu cầu ăn, ở đã cơ bản hoàn thành, chính quyền Ngô Đình Diệm chỉ đạo và cho các địa điểm dinh điền tiến hành công việc khai phá bằng cơ giới với máy ủi và máy kéo bắt đầu thiết lập địa điểm và tiếp tục việc này trong suốt thời kỳ định cư đến lúc cư dân có đủ đất canh tác theo dự định kế hoạch của tiểu dự án.

Việc tổ chức canh tác ở Tây Nguyên với đặc thù đất đai và khí hậu thích hợp với các loại cây công nghiệp. Nguồn lợi về cây công nghiệp từ mỗi đơn vị diện tích canh tác lớn hơn nguồn lợi từ hoa màu. Mặt khác, việc trồng cây công nghiệp cũng phù hợp với chủ trương “đa canh hóa” của chính quyền Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa và chắc chắn có lợi cho nền kinh tế của Việt Nam Cộng hòa. Nhưng, những biện pháp để trồng cây công nghiệp chỉ có thể áp dụng một phần

vì: Một mặt, di dân và đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, một nhóm cư dân thì quen với hoạt động sản xuất nương rẫy, một nhóm di dân từ miền Trung lên đã quen thuộc từ lâu đời với nghề trồng lúa nước và hoa màu phụ; thêm vào đó, đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên và di dân mới được định cư còn thiếu thốn mọi thứ nên chỉ trồng được các cây theo mùa vụ, phục vụ nhu cầu trước mắt, còn vấn đề trồng cây công nghiệp chưa thực sự khả thi ngay. Cho nên để khắc phục tình trạng trên, chính quyền Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa đã phải áp dụng biện pháp: Một phần diện tích trồng hoa màu, cây ăn trái trong vườn xung quanh nhà (lúa, khoai lang, khoai mỳ, đậu phộng, cam, chanh,...). Còn phần khác dùng để trồng cây công nghiệp, như: ki nấp, gai bông vải, thầu dầu có thể cho thu hoạch trong thời gian ngắn từ 6 tháng đến 1 năm. Việc trồng các loại cây công nghiệp phương pháp tập thể được áp dụng. Điều này đã được tận dụng tối đa trong việc tận dụng kinh nghiệm của người lớn tuổi truyền thụ cho người trẻ tuổi. Hiện tượng này cho thấy những yếu tố thuộc về kinh nghiệm truyền thống trong sản xuất được vận dụng một cách linh hoạt. Trong quá trình hoạt động sản xuất, những kinh nghiệm truyền thống của đồng bào các dân tộc tại chỗ và các dân tộc mới đến đã kết hợp với nhau để cùng sản xuất. Điều này trái với chính sách đồng hóa của Ngô Đình Diệm, đưa người Kinh lên ở với người Thượng để đồng hóa người Thượng. Thực chất, mỗi cộng đồng đều có những truyền thống riêng của mình và đó là lợi thế để thích ứng với môi trường mới, những hiện tượng này cho thấy những chính sách và nhận định mang tính chủ quan, áp đặt thiếu khảo sát một cách bài bản của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

2. Khái quát về chính sách dinh điền chính quyền Ngô Đình Diệm

2.1. Khảo sát và chọn lựa địa điểm

Để công cuộc dinh điền được tiến hành nhanh chóng, hiệu quả và triển khai tại các địa điểm, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tiến hành công việc tìm kiếm những địa điểm khả thi để định cư di dân. Công tác này quyết định sự thành bại của công cuộc dinh điền do các nhóm kỹ thuật và chuyên gia của Phủ Tổng thống, hợp tác với các chuyên viên ngoại quốc và các nhà kỹ thuật của Bộ Canh Nông phụ trách.

Thành lập các địa điểm dinh điền, một mặt Ngô Đình Diệm xây thí điểm, rút kinh nghiệm, mở các lớp đào tạo hàng trăm cán bộ phụ trách các địa điểm dinh điền. Mặt khác, chính quyền Ngô Đình Diệm dùng các thủ đoạn để mộ phu đến để xây dựng các địa điểm dinh điền trong kế hoạch của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Các chuyên gia kỹ thuật ngoại quốc và cán bộ của chính quyền Diệm đã trực tiếp nghiên cứu địa đồ, ảnh trên không và khảo sát tại chỗ để lấy những mẫu đất về phân tích, nhận định thực trạng để dự đoán việc khai phá, trồng tỉa sau này; xác định tình trạng tiếp tế nước ở các địa điểm trong mùa khô và sau cùng để nhận định về diện tích canh tác, tình trạng đường sá tại vùng. Công việc khảo sát này gặp phải những trở ngại lớn vì rừng rậm tại Tây Nguyên, trong khi thiếu tài liệu lượng mưa và thiếu phương tiện đo đạc, v.v...

Mặc dù gặp những khó khăn bất lợi khách quan nhưng các chuyên gia của chính quyền Ngô Đình Diệm cũng đã có thể đo lường được các kết quả phân chất đất, nhận định tại chỗ và các nhận xét của dân địa phương, các cơ quan địa phương của chính quyền Ngô Đình Diệm cũng đã có những hỗ trợ để liên hệ và ấn định được mức độ phì nhiêu của đất, các giống cây nên trồng, diện tích canh tác và số gia đình có thể định cư. Sau các cuộc khảo sát tại

nhiều nơi, các chuyên gia kỹ thuật đã trao đổi kết luận và lựa chọn các địa điểm có thể xây dựng các khu dinh điền.

2.2. Việc ấn định các điểm dinh điền và chương trình hoạt động

Sau khi đã tuyển lựa kỹ càng các địa điểm dinh điền, các chuyên gia của Phủ Tổng thống và Bộ Canh Nông sẽ phải ấn định một tiêu đề án hoạt động riêng cho mỗi địa điểm: Dự định số gia đình tối đa có thể định cư; diện tích khai phá tối đa; các công tác phải xúc tiến và số chi phí cần thiết cho việc thực hiện từng công tác. Các tiêu đề án này được ấn định tỉ mỉ tùy theo vị trí của địa điểm, số dân định cư, tính chất công tác phải thực hiện các khoản trợ cấp. Đó là các khoản phí: phí chung cho tất cả các địa điểm và phí riêng biệt cho mỗi địa điểm tùy trường hợp.

Tuy nhiên, trong thực tế, chính quyền Ngô Đình Diệm cũng đã lường đến các trở ngại mà người dân có thể gặp lúc mới định cư và xét chất lượng kết quả thu hoạch trong năm để tìm biết số hoa màu, kể cả các nguồn hoa màu phụ khác có đủ cho mỗi gia đình sinh sống trong một năm hay không. Trong trường hợp vì nhiều lý do, đến kỳ hạn tiêu đề án mà chưa đạt được mức sinh hoạt trung bình, Chính phủ Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa sẽ tìm các biện pháp thích nghi để giúp thêm, hoặc gia hạn trợ cấp, hoặc cày máy giúp cho đồng bào dinh điền một lượt nữa để làm mùa sau, hoặc mua giúp các sản phẩm nông nghiệp ứ đọng.

2.2.1. Tiến hành xây dựng các điểm dinh điền

Chuẩn bị địa điểm: Sau khi đã chọn nơi để dùng làm địa điểm dinh điền, công việc đầu tiên cần thực hiện tại chỗ là biên giới rừng hoặc ruộng hoang thành những thửa đất để canh tác, công việc này được tiến hành bằng máy hoặc thủ công tùy vào từng địa bàn và mức độ của cây cối và độ dốc

của khoảnh đất. Việc phá rừng để cung cấp nhanh chóng diện tích cần thiết lúc đầu cho việc xây nhà ở cho đồng bào định cư và các công ộc của các địa điểm được thực hiện với những toán máy ủi, máy kéo có nhiều loại khác nhau. Trong suốt thời gian định cư, việc khai phá bằng máy được tiếp tục đến lúc có đủ diện tích dự định canh tác.

Khai phá xong, đến việc xây cất các trại tạm trú với vài lều hay những vật liệu nhẹ, tùy nơi. Các trại này sẽ được dỡ đi khi các người định cư đã xây cất xong nhà ở riêng. Nền đất sẽ dùng vào việc xây cất các công sở của địa điểm. Trong thời kỳ này, các cơ quan của Phủ Tổng uy Dinh điền liên hệ lo việc tiếp tế lương thực, thực phẩm cần thiết để phân phát cho các đồng bào định cư vừa đến nơi như gạo, mùng, mền, chiếu, lu, thuốc men...

Tuy nhiên, việc lựa chọn các địa điểm để xây dựng các khu dinh điền không diễn ra như chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn thường rêu rao. Chọn địa điểm thuận lợi nhất cho sinh hoạt và sản xuất, nâng cao trình độ vật chất tinh thần, tạo điều kiện để di dân và cư dân tại chỗ hữu sản. Mà việc lựa chọn các địa điểm để xây dựng các khu dinh điền đã bị “Người Mỹ chỉ trích việc thực hiện các dự án dinh điền ở Cao nguyên Trung phần”. Bởi sau các cuộc khảo sát tại khu vực này năm 1957 họ kết luận rằng: “hầu hết các khu vực định cư mà chính phủ chọn đều không có đủ nước tưới tiêu, ... Trong một trường hợp khác, các nhân viên viện trợ cảm thấy nản lòng khi biết, Tổng ủy đã cho xây dựng một khu định cư nằm cách nguồn nước gần nhất đến 40 km. Họ thậm chí còn kinh ngạc hơn khi một khu định cư khác đặt cách thị trấn gần nhất 90 km, trên những con đường không thể qua lại vài tháng trong năm”. Như vậy, việc chọn các địa điểm để xây dựng các khu định cư, các khu dinh điền trên toàn lãnh

thổ miền Nam Việt Nam không xuất phát từ những nhân tố khách quan, mà bắt nguồn từ những nhận định chủ quan và xuất phát từ những mục đích, lợi ích chiến lược của chính quyền. Những tính toán về mặt chiến lược đã đặt cược sinh mệnh và cuộc sống của hàng trăm nghìn cư dân đến những nơi không thuận tiện cho sự sinh hoạt và sản xuất. Điều này trái với những luận điệu mà chính quyền Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa vẫn thường rêu rao về mục tiêu kinh tế và xã hội của chính sách dinh điền.

2.2.2. Kết quả của thực hiện chính sách dinh điền

Đến tháng 8 năm 1962 tổng số địa điểm Dinh điền được thiết từ miền đồng bằng Nam phần (52 địa điểm), qua phần cao Nam phần: Bình Tuy, Long Khánh, Phước Long (45 địa điểm) cho đến vùng Cao nguyên Trung phần (72 địa điểm)". Đến tháng 7 năm 1963, chương trình dinh điền của chính quyền Việt Nam cộng hòa đã thiết lập được 198 địa điểm.

Tổng số di dân hiện hữu tại các điểm Dinh điền tính đến 7/7/1963 là 280. 835 người, trong đó có 5% là đồng bào Thượng.

Diện tích khai phá tại các điểm dinh điền chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành ở miền Nam Việt Nam (xem bảng cuối bài).

3. Thực chất đời sống di dân tại các điểm dinh điền

Chính sách dinh điền thực chất là chính sách di cư đồng bào miền Trung, miền Bắc và dân cư tại các đô thị mà phần đông là đồng bào công giáo, cựu binh và những thành phần nằm vùng lên các vùng có vị trí chiến lược của chế độ Việt Nam Cộng hòa để kiểm soát tình hình. Chính vì vậy, đề lôi kéo, đưa được số lượng dân cư lên các địa điểm dinh điền như kế hoạch, đủ số lượng và các thành phần, chính quyền Ngô Đình Diệm đã vẽ ra

một viễn cảnh ám no, tru phú và một môi trường sống, sinh hoạt, lao động và sản xuất đầy đủ tại các địa điểm dinh điền. Những chiêu bài này chỉ nhằm lừa bịp và dụ dỗ, lôi kéo đối với những di dân các địa phương đến các điểm dinh điền. Các địa điểm dinh điền nằm cách xa trung tâm, là vùng xa xôi hẻo lánh nằm ở dọc biên giới Việt Nam – Campuchia. Có những địa điểm dinh điền cách xa những nhu cầu thiết yếu cuộc sống của di dân như nguồn nước tới 90 km. Vì vậy, khi di dân từ miền Bắc, miền Trung và các đô thị “lên đến các nơi dinh điền thì mới biết rõ công việc chẳng khác gì mấy với việc của đồn điền cao su, cà phê, chè của thực dân Pháp ngày trước. Di dân đến các điểm dinh điền, họ không nhìn thấy viễn cảnh tươi đẹp, ám no, tru phú và tương lai xán lạn như chính quyền rêu rao và tuyên truyền như trước đó. Đến các địa điểm dinh điền phải còng lưng làm việc đến khi đất đai thành thuộc, có hoa lợi thì chính quyền “tạm cấp” cho một phần ruộng đất và buộc phải trả tiền tổn phí khai hoang trong vòng từ 3 đến 5 năm, hoặc phải ký khế ước tá điền loại C”. Một điều trái với tuyên bố của chính quyền Ngô Đình Diệm ngay từ đầu là cấp ruộng đất cho di dân tối thiểu một gia đình 3 mẫu thì “Phần lớn đất đã thành thuộc thì gọi là cơ sở để “phát triển cộng đồng”, khai thác bằng đất liền canh tân đất đai cộng đồng, kỳ thật là làm tá điền và làm phu cho chính quyền Mỹ-Diệm, bán sản phẩm cho các “hợp tác xã”, tức là cho các công ty tư bản, nộp lương thực cho quân đội Mỹ-Diệm đóng trong vùng hay là đi qua vùng ấy. Như thế, miếng đất “tạm cấp” chẳng qua là cái mà báo *Marchés tropicaux* gọi là những “cảm giác sở hữu” để có “tác dụng kích thích”, chứ thực tế nó chỉ là cái cọc đóng dưới đất cơ sở dinh điền, cột chân người bị bắt đi phu vào đồn điền của bè lũ Mỹ-Diệm”.

Như vậy, di dân đến các điểm dinh điền không những không được cấp đất như

cam kết của chính quyền Ngô Đình Diệm, họ còn phải khai hoang và nếu có sự hỗ trợ máy móc của chính quyền họ phải trả tiền công cho chính quyền. Sau đó, đất họ tiến hành canh tác trồng trọt thành thực thì lại bị chính quyền biến thành cơ sở để phát triển cộng đồng. Có nghĩa là cướp không công sức khai hoang và cải tạo đất của di dân. Đồng thời, các nông phẩm mà di dân canh tác và trồng trọt trên đất khai hoang họ buộc phải bán cho các hợp tác xã của chính quyền Ngô Đình Diệm. Như vậy, họ cũng bị chính quyền Ngô Đình Diệm ép giá. Đây là bước bóc lột lần thứ hai sau việc cấp đất và khai hoang. Những động thái này của chính quyền Ngô Đình Diệm là nhằm tận thu nguồn lực tại chỗ để đáp ứng những nhu cầu cho quân đội Việt Nam Cộng hòa và quân đội Hoa Kỳ đóng quân trên địa bàn, giảm gánh nặng về lương thực thực phẩm và cho ngân sách của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Đồng thời, với những hứa hẹn cung cấp các thiết chế về văn hóa, trang bị những phương tiện phục vụ đời sống tinh thần mọi mặt cho di dân nên chính quyền Ngô Đình Diệm cam kết sẽ xây dựng hệ thống thông tin, trường học và nhiều những tiện ích khác. Nhưng với những địa điểm dinh điền được xây dựng ở những vùng dọc biên giới, vùng sâu, vùng cách xa trung tâm và có nơi cách xa nguồn nước đến 90km thì không thể có được những điều kiện cần thiết để sinh tồn chứ chưa nói đến những tiện ích hoàn thiện. Vì vậy, đời sống tinh thần của cư dân tại các địa điểm dinh điền không khác nhiều so với đời sống của phu cao su thời Pháp.

Bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, chính quyền Ngô Đình Diệm đã di chuyển một lượng lớn di dân đến tại các địa điểm dinh điền đã định sẵn. Cuộc sống của di dân tại các điểm dinh điền về vật chất và tinh thần khác xa so với cam kết ngay từ đầu của

chính quyền Ngô Đình Diệm. Chính quyền Ngô Đình Diệm đã chiến lược hóa các địa điểm dinh điền thành các Ấp chiến lược từ năm 1962. Như vậy các địa điểm dinh điền - Ấp chiến lược là những “pháo đài tiêu trừ cộng sản” bảo vệ lợi ích của chế độ Ngô Đình Diệm. Đưa di dân vào các dinh điền là để thực hiện mục đích chính trị và chiến lược. Di dân trở thành “lá chắn sống” bảo vệ lợi ích chính quyền Ngô Đình Diệm.

Kết luận

Nhìn lại mục đích của chính sách Dinh điền mà chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành ở miền Nam Việt Nam chúng ta nhận thấy:

Chương trình dinh điền là gỡ bớt ở nông thôn, các tỉnh và thị trấn đông đúc, những gia đình mà chính quyền Ngô Đình Diệm cho là đối lập với chế độ, phân bổ, phân tán lực lượng này vào các địa điểm dinh điền khác nhau, xen các gia đình di dân, dân địa phương và người Thượng vào ở cùng các gia đình Công giáo để tiện cho việc kiểm soát. Lập địa điểm dinh điền là lập những “pháo đài tiêu cộng”, “những cứ điểm bao vây Việt cộng không cho chúng một mảnh đất hoang vu nào để hoạt động”. Tờ Cách mạng quốc gia (25/4/1958) khen “đồng bào di dân tình nguyện tham gia kế hoạch dinh điền, rất xứng đáng là chiến sĩ tiên phong trong mặt trận chống cộng”. Những điều này nói lên tính chất và mục đích chính trị của cơ sở dinh điền. Việc địa phương hóa, chiến lược hóa và ấp chiến lược hóa các địa điểm dinh điền để cấy vào các cơ sở kháng chiến “cũ” những nơi ấy những làng xã, thôn, ấp, buôn làng những người mà chính quyền Diệm tin tưởng theo hẳn một cách trung thành.

Quốc sách dinh điền của Ngô Đình Diệm là một bộ phận của âm mưu lớn nhằm biến miền Nam thành căn cứ quân sự của Mỹ - Ngụy. Khu dinh điền chủ yếu là ở Tây

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

Nguyên. Tây Nguyên được coi là cái nóc nhà của miền Nam Đông Dương, là vùng chiến lược quan trọng cho toàn bộ Việt-Miên-Lào; Pháp và Nhật trước kia đều đã chú ý đến. Tổng tham mưu trưởng Rát-pho của Mỹ có lần tuyên bố rằng Tây Nguyên có thể trở thành một địa bàn cơ động quan trọng, một khu vực tập trung quân đội và Pleiku sẽ là khu vực chiến lược nếu chiến tranh xảy ra.

Các địa điểm dinh điền là nơi tập trung nhân lực; nhân lực là nhân tố lớn trong tiềm lực chiến tranh. Các vùng dinh điền càng quan trọng về chiến lược thì càng phải đưa dân lên đó. Ngô Đình Diệm có kế hoạch đưa tới hơn một phần mười toàn bộ dân số miền Nam lên các vùng dinh điền, nghĩa là độ hơn một triệu, để tạo nguồn nhân lực tại chỗ rất cần thiết cho chiến tranh và chuẩn bị cho chiến tranh. Dưới danh nghĩa “phát triển cộng đồng”, Mỹ-Diệm bắt người đi dinh điền làm đường sá, xây cầu cống, xây công trình quân sự đủ kiểu. Báo Thời cuộc (1/1958) tính rằng dùng nhân công dinh điền để xây dựng đồn bảo an và 34 km đường, chỉ tốn có 1 triệu đồng, trong khi đó thì công trình làm 30 km đường phải chi phí đến 700 triệu. Thế mới biết dân dinh điền bị bóc lột và lợi dụng nghiêm trọng đến mức độ nào.

Nhìn lại mục đích kinh tế mà chính quyền Ngô Đình Diệm rêu rao từ năm 1957, khi chương trình dinh điền chính thức được phát động. So với công cuộc dinh điền đã triển khai và có kết quả thì mục đích kinh

tế không nổi lên như mục đích chính trị và quân sự. Các địa điểm dinh điền là những trung tâm trồng cây công nghiệp. Một trong các chủ trương kinh tế của chính quyền Ngô Đình Diệm là “đa canh hóa”. Nói cách khác là, bằng dinh điền, Ngô Đình Diệm muốn một số loại cây công nghiệp như cao su, ki nấp, đay, gai... mà Mỹ và chư hầu của Mỹ cần dùng, một số loại cây khác, giá trị cao như cà phê, chè và trái cây đặc sản. Tuy nhiên, ở các vùng dinh điền, tại các địa điểm dinh điền, diện tích trồng lúa vẫn rộng nhất, cần thiết cho bản thân dinh điền và cho quân đội đóng ở đó.

Chương trình dinh điền là “quốc sách” của chính quyền Ngô Đình Diệm, một trọng điểm về kinh tế của chính quyền Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, lập các địa điểm dinh điền ở trên toàn miền Nam nói chung, đặc biệt các vùng dinh điền, các điểm dinh điền không phải là để “cải tiến dân sinh”, “chỉnh trang lãnh thổ”, “tư sản hóa nông dân vô sản”, mà lập trại tập trung, bóc lột nhân công, chuẩn bị chiến tranh, để chống lại cách mạng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Phan An (1983), *Quyền sử dụng và quyền sở hữu đất đai của Tây Nguyên trong lịch sử*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 6 (213)
2. *Báo cáo tình hình hàng tháng năm 1957 của Trung tâm Dinh điền Cao Nguyên*, hồ sơ 08, phòng Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ (1954-1963), Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

Bảng diện tích đất khai phá tại các điểm dinh điền (đơn vị: ha)

Khu vực	Thời gian				
	1957	1958	1959	1960	1961
Đồng bằng Sông Cửu Long	9.097	18.698	30.892	37.879	39.282
Đông Nam Bộ	220	1.194	6.368	14.822	22.105
Tây Nguyên	220	3.194	11.076	20.479	27.739
Tổng cộng	9.537	23.086	48.336	73.180	89.126

3. *Công cuộc Dinh điền tại Việt Nam đến 30.6.1959*, Vv1529, phong Tư liệu, Trung Tâm Lưu trữ quốc gia II

4. Trần Văn Giàu (2006), *Tổng tập*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội

5. Hà Minh Hồng (2000) *Phong trào chống phá bình định nông thôn ở Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1969-1972*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội

6. Lâm Quang Huyền (1985), *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội

7. *Lược trình về công cuộc Dinh điền Việt Nam* (1962), hồ sơ 363, phong Tổng uy Dinh điền và Nông vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

8. Edward Miller (2016) (Minh Thu-Trọng Minh-Kim Thoa dịch), *Liên Minh sai lầm: Ngô Đình Diệm, Mỹ và số phận Nam Việt Nam*, Nxb, CTQG Hà Nội

9. Đặng Phong (2004), *Kinh tế miền Nam Việt Nam thời kỳ 1955 - 1975*, Nxb. Khoa học Xã hội

10. *Phúc trình về tình hình hoạt động trong năm 1961 của các khu Dinh điền Cao Nguyên Trung phần*, hồ sơ 274, phong Tổng uy Dinh điền và Nông vụ (1954-1963), Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

11. Nguyễn Thị Kim Vân (2003), *"Bàn thêm về vấn đề ruộng đất ở Bắc Tây Nguyên dưới thời Mỹ - nguy (1954-1975)"*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 3, tr29-38

12. Nguyễn Thị Kim Vân (2008), *Chuyển biến kinh tế - xã hội Bắc Tây Nguyên (1945-1995)*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.

VĂN BẢN ĐỘC ĐIỀU ...

(Tiếp theo trang 37)

hoặc chưa từng có tiền lệ trong những quy định trước đó. Việc ban hành những VBQPPL như dạng thức nêu trên sẽ khiến việc áp dụng nó vào thực tế được dễ dàng, tránh gây ra những hiểu lầm và giúp những bộ phận triển khai biết để tập trung tối đa mọi nguồn lực để thực hiện nó. Hệ thống VBQPPL độc điều của chế độ VNCH là một gợi ý mà chúng ta có thể tham khảo khi chúng ta phải đối diện với những tình huống trên./

Chú thích:

1. Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, *Từ điển Luật học*, tr.472
2. Luật số 005/72 ngày 28/6/1972 ủy quyền cho Tổng thống VNCH quyết định và ban hành sắc luật các biện pháp cần thiết để đối phó với tình hình đất nước
3. Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, *sđd*, tr.668
4. Sắc lệnh số 271-TT/SL ngày 10/5/1972
5. Lê Thái Át, *Soạn Thảo công văn*, Nxb. Á Châu, 1969, tr. 233
6. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, *Phông Phủ thủ tướng*, hss 10027 về ủy quyền cho các giới chức tại Văn phòng Phủ thủ tướng ký một số văn kiện liên quan đến vấn đề hành chánh thông thường năm 1964-1975, tr.58
7. Lê Thái Át, *Soạn thảo công văn*, Nxb. Á châu, 1969, tr. 235
8. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, *Phông Phủ thủ tướng Việt Nam Cộng hòa*, HSS 8663 ban hành Luật ngày 22/1/1974 tu chỉnh hiến pháp năm 1967, Quyết định số 11-TNV/CTĐH/QĐ ngày 17/01/1974 của Chủ tịch thượng nghị viện, tr.02

Tài liệu tham khảo:

1. Lê Thái Át, *Soạn Thảo công văn*, Nxb. Á Châu, 1969
2. Lưu Văn Bình, *Luật Hiến pháp*, Sài Gòn, 1961
3. Bộ Tư pháp - Viện Khoa học pháp lý, *Từ điển luật học*, Nxb. Từ điển Bách Khoa - Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2018
4. Nguyễn Văn Bông, *Luật Hiến pháp và chính trị học*, 1966
5. Luật số 005/72 ngày 28/6/1972 ủy quyền cho tổng thống VNCH quyết định và ban hành sắc luật các biện pháp cần thiết để đối phó với tình hình đất nước.
6. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, *Phông Phủ thủ tướng*, hss 10027 về ủy quyền cho các giới chức tại văn phòng phủ thủ tướng ký một số văn kiện liên quan đến vấn đề hành chánh thông thường năm 1964-1975
7. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, *Phông Phủ thủ tướng Việt Nam Cộng hòa*, HSS 8663 ban hành Luật ngày 22/1/1974 tu chỉnh hiến pháp năm 1967
8. Quyết định số 11-TNV/CTĐH/QĐ ngày 17/01/1974 của Chủ tịch thượng nghị viện
9. Sắc lệnh số 271-TT/SL ngày 10/5/1972